

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 15-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Châu;

Ông Nguyễn Thành Nghiêm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Cẩm N và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; có nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29-6-2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Bùi Kim C1, sinh năm 1985; cư trú tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Võ Thị Kiêm T2, sinh năm 1967; cư trú tại ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Cẩm N, sinh năm 1984; cư trú tại ấp S, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 05-6-2020, bị cáo Nguyễn Văn C một mình điều khiển xe gắn máy biển số 83KA-1112 đi hỏi mua dừa tươi ở khu vực Ngã tư Chùa, xã T, huyện C và xã M, huyện M, thuộc tỉnh Sóc Trăng. Khi đi ngang nhà bà Bùi Kim C1 ở ấp T, xã M, huyện M, C để xe ở ngoài đường lộ đal phía trước nhà, sau đó quan sát không thấy ai trong nhà nên C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C đi vòng ra phía sau, đẩy mạnh cửa nhà sau đi vào nhà, C đi vào các phòng lục soát lấy được 02 nhẫn cưới (loại nhẫn trơn) vàng 17K, 01 nhẫn có đính hạt (loại nhẫn trẻ em) và 01 giấy cầm đồ rồi bỏ vào túi quần, tiếp đó C phát hiện 01 cái rô nhựa treo trên tường có nhiều tiền lẻ khoảng 1.000.000 đồng, C lấy hết bỏ vào túi quần. Sau đó, C đến tiệm vàng Thoa Cường ở thị trấn C, huyện P bán hết số vàng trộm được với số tiền gần 3.000.000 đồng rồi đi về nhà vợ của mình ở ấp S, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. C đem tiền trả nợ cho người đàn ông tên V (không rõ địa chỉ) hết 2.650.000 đồng, số tiền còn lại C tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số: 12/KLĐGTS.HĐ-ĐGTS ngày 25-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự do Ủy ban nhân dân huyện M thành lập kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 02 nhẫn vàng 17K (nhẫn trơn) trọng lượng 0,8 chỉ và 01 nhẫn vàng 17K (đính hạt) trọng lượng 0,4 chỉ có giá trị là 4.296.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C chiếm đoạt của bà C1 là khoảng 5.296.000 đồng (trong đó tiền mặt là khoảng 1.000.000 đồng).

Trong quá trình điều tra, C đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có thu giữ xe gắn máy nhãn hiệu KWASHAKI màu đỏ đen biển số 83KA-1112, giấy đăng ký xe gắn máy biển số 83KA-1112, giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, 01 cái nón kết vải màu nâu có dòng chữ NIKE, 01 mũ bảo hiểm màu trắng, 01 chiếc nhẫn trơn vàng 15K và tiền Việt Nam 4.604.000 đồng. Trong quá trình điều tra xét thấy 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh, 01 chiếc nhẫn trơn vàng 15K và số tiền 4.604.000 đồng không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho C.

Về bồi thường thiệt hại: C đã bồi thường cho bà C1 giá trị tài sản bị mất với số tiền tổng cộng là 5.300.000 đồng. Bà C1 không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSMT ngày 11-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo C đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Hành vi của bị

cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Bị cáo C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự; mặt khác, bị cáo là người không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo C tù 06 tháng tù đến 12 tháng tù. Đồng thời, căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo C đủ điều kiện để được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo C được hưởng án treo. Về bồi thường thiệt hại, bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong và bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo giấy chứng minh nhân dân, 01 cái nón kết vải màu nâu có dòng chữ NIKE và 01 mũ bảo hiểm màu trắng; trả lại cho Nguyễn Cẩm N xe gắn máy nhãn hiệu KWASHAKI màu đỏ đen biển số 83KA-1112, số máy 9FMB00001988, số khung AMN9H000988 và giấy đăng ký xe gắn máy biển số 83KA-1112. Về án phí hình sự, đề nghị buộc bị cáo chịu án phí là 200.000 đồng.

- Bị cáo C nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa.

- Lời nói sau cùng của bị cáo C: Bị cáo đã ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện sửa chữa lỗi lầm và chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại là bà Bùi Kim C1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Võ Thị Kiêm T2 vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt những người này, còn bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án thì không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình điều tra, bà C1, bà T2 đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ

Tú, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo C đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 12 giờ ngày 05-6-2020, khi đi hỏi mua dừa tươi ngang nhà bà Bùi Kim C1 ở ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, C phát hiện không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả nợ. C lén vào nhà lục soát lấy được 02 nhẫn cưới (loại nhẫn trơn) vàng 17K, 01 nhẫn có đính hạt (loại nhẫn trẻ em) và số tiền lẻ khoảng 1.000.000 đồng, sau đó đem vàng đến tiệm vàng Thoa Cường ở thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài hết. Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự do Ủy ban nhân dân huyện M thành lập thì tại thời điểm bị chiếm đoạt, 02 nhẫn vàng 17K (nhẫn trơn) trọng lượng 0,8 chỉ và 01 nhẫn vàng 17K (đính hạt) trọng lượng 0,4 chỉ có giá trị là 4.296.000 đồng.

[4] Như vậy, với hành vi nêu trên, bị cáo C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khoản 1 của Điều này quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo C tuy có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng cũng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong nhân dân, do đó cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù thì mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa đấu tranh và chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; có nhân thân tốt thể hiện từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo lại không biết chữ nên sự nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ này và cân nhắc giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Xét thấy, bị cáo C bị xử phạt tù không quá 03 năm; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; có khả năng tự cải tạo không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, mà cố gắng tự cải tạo, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phạt bị cáo C từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Hội đồng xét xử thấy, tuy bị cáo là người có nghề nghiệp buôn bán, nhưng thu nhập thực tế của bị cáo lại không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có thu giữ của bị cáo giấy chứng minh nhân dân của bị cáo, 01 cái nón kết vải màu nâu có dòng chữ NIKE, 01 mũ bảo hiểm màu trắng, 01 xe gắn máy nhãn hiệu KWASHAKI màu đỏ đen biển số 83KA-1112, số máy 9FMB00001988, số khung AMN9H000988 và giấy đăng ký xe gắn máy biển số 83KA-1112 chưa xử lý. Xét thấy, các tài sản này không phải là vật chứng, đối với chứng minh nhân dân, nón kết, mũ bảo hiểm thu giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo; còn chiếc xe gắn máy nhãn hiệu KWASHAKI màu đỏ đen biển số 83KA-1112, số máy 9FMB00001988, số khung AMN9H000988 cùng giấy đăng ký xe, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã làm rõ là tài sản riêng, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Cẩm N (vợ bị cáo). Do đó, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại các tài sản nêu trên cho bị cáo và bà N.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho bị hại C1 xong và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “*Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án*” và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*”. Như vậy, bị cáo C là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Phạt bị cáo Nguyễn Văn C **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 9 năm 2020).

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Văn C cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C, 01 (một) cái nón kết vải màu nâu có dòng chữ NIKE và 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, theo Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 57/QĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Cẩm N 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu KWASHAKI màu đỏ đen, biển số 83KA-1112, số

máy 9FMB00001988, số khung AMN9H000988 và giấy đăng ký xe gắn máy biển số 83KA-1112, theo Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 57/QĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại bà Bùi Kim C1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; trường hợp những người này vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 (mười lăm) ngày, được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm